TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 109/2019/DS-ST
Ngày: 26/6/2019
V/v tranh chấp ***" Hợp đồng góp hụi"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Trần Xuân Văn.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1) **Ông Lê Văn Thành.**
2) **Ông Võ Văn Cường.**

Thư ký phiên tòa: **Bà Đặng Thị Thùy Dung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị T**; sinh năm 1957 (có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: 1/ **Bà Võ Thị H**; sinh năm: 1980 (có mặt)
2/ **Ông Nguyễn Thanh S**, sinh năm: 1982 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2015, vợ chồng bà Võ Thị H và ông Nguyễn Thanh S có tham gia tổng cộng 03 dây hụi do bà làm đầu thảo. Sau khi lĩnh hụi, vợ chồng bà H không góp lại cho bà các phần hụi đã lĩnh. Hiện còn nợ lại số tiền hụi cụ thể như sau:

Dây 1: Khui ngày 30/01/2012 âl, mức góp hụi 5.000.000 đồng/phần, hụi gồm 19 phần, thời gian 4 tháng khui hụi một lần. Vợ chồng bà H tham gia 01 phần, đã hốt hụi, còn nợ lại 04 kỳ chưa góp với số tiền 20.000.000 đồng.

Dây 2: Khui vào tháng 01/2015 âl, mức góp hụi 5.000.000 đồng/phần, hụi gồm 13 phần, thời gian 3 tháng khui hụi một lần, vợ chồng bà H tham gia 01 phần, đã hốt hụi, còn nợ 05 kỳ chưa góp với số tiền 25.000.000 đồng.

Dây 3: Khui vào vụ 2 năm 2015 âl, mức góp hụi 2.000.000 đồng/phần, hụi gồm 12 phần, thời gian 3 tháng khui hụi một lần, vợ chồng bà H tham gia 01 phần, đã hốt hụi, còn nợ 06 kỳ chưa góp với số tiền 12.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi vợ chồng bà H, ông S còn nợ bà 57.000.000 đồng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H và ông S liên đới trả cho bà 57.000.000 đồng. Trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 17/4/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị H trình bày: Bà thừa nhận có tham gia chơi các dây hụi như bà T trình bày. Hiện bà còn nợ bà T tổng cộng 57.000.000 đồng. Bà H đồng ý trả cho bà T nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có khả năng trả 01 lần nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà H chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ khi nào có đủ khả năng trả. Không đồng ý trả mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 24/5/2019, bị đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày: Ông thừa nhận vợ chồng ông còn nợ bà T 57.000.000 đồng. Hiện nay không có khả năng trả 01 lần số nợ trên nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà H và ông S trả cho bà một lần số tiền 57.000.000 đồng. Bị đơn bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T và bà Võ Thị H, ông Nguyễn Thanh S là quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Thanh S có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của ông S là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết vắng mặt của ông S.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T về số tiền trả, hình thức trả và thời gian trả, Hội đồng xét xử nhận định: Tại phiên tòa, hai bên đã thống nhất về số dây hụi và số tiền trong giao dịch chơi hụi với nhau. Nguyên đơn bà T đã cung cấp được đầy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có cơ sở. Bị đơn bà H, ông S cũng đã thừa nhận số tiền còn nợ bà T là 57.000.000 đồng. Như vậy có đủ cơ sở xác định giao dịch chơi hụi giữa bà T và bà H, ông S là có thật nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là có cơ sở chấp nhận.

Về hình thức trả và thời gian trả, bà T yêu cầu buộc bị đơn trả 01 lần số tiền 57.000.000 đồng nợ hụi mà vợ chồng bà H chưa góp là phù hợp với Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ – CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 quy định về Họ, hụi, biêu phường nên yêu cầu của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bà H, ông S về việc xin trả dần số tiền còn nợ cho bà T khi có đủ điều kiện trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà H, ông S nợ bà T số tiền trong thời gian dài, bà T đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng vợ chồng bà H không thực hiện. Như vậy chứng tỏ bà H, ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn bà H, ông S không chứng minh được hoàn cảnh kinh tế hiện tại của mình đang gặp khó khăn đến mức không có khả năng trả số tiền trên, việc xin trả dần tiền nợ cho bà T là nhằm kéo dài thời gian, không có thiện chí trả nợ nên yêu cầu của bà H, ông S là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn bà Võ Thị H và ông Nguyễn Thanh S phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Nghị định Nghị định 19/2019/NĐ – CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 quy định về Họ, hụi, biêu phường;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Võ Thị H và ông Nguyễn Thanh S có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền 57.000.000 đồng. Trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H, ông S chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Về án phí:

- Bà Võ Thị H và ông Nguyễn Thanh S phải chịu 2.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T 1.425.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09928 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn bà Võ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Ông Nguyễn Thanh S có có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Trần Xuân Văn

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu AV.HS